TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/KDTM-PT
Ngày 15/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Nguyễn Bạch N, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐ-PT ngày 28/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 06/QĐPT-KDTM ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1970 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V: Chị Đỗ Thị Mai T, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: Số 304, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2021.

- **Bị đơn**: Ông Lê Văn K, sinh năm 1982 - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K

K.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp HH, HH, TH, tỉnh Long An.

Chị T, ông K có mặt tại phiên tòa; bà Kiều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Đỗ Thị Mai T đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N trình bày:

Ngày 01/9/2019, Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp K K ký hợp đồng mua bán số 0238-NT/HĐMB/2019-2020 về việc mua phân bón, điều kiện thanh toán không được quá thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận hàng. Đến ngày 30/9/2020, ông Lê Văn K còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V N số tiền là 928.825.000 đồng, trong đó, tiền mua phân bón 898.035.000 đồng và tiền lãi: 30.790.000 đồng (lãi suất 1%/tháng). Doanh nghiệp có làm việc với Đại lý K K về số tiền nợ và có xác nhận vào các Biên bản đối chiếu công nợ cụ thể vào ngày 11/11/2019, ngày 11/12/2019 và ngày 22/4/2020. Hiện tại, ông K cố tình né tránh, kéo dài thời gian thanh toán nợ. Tính đến ngày 21/01/2021 ông Lê Văn K còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V N số tiền là 808.775.000 đồng, trong đó tiền gốc mua phân bón là 748.035.000 đồng và tiền lãi là 60.740.000 đồng (với lãi suất 1%/tháng). Nay Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K trả tiền vốn 748.035.000 đồng. Lãi chậm trả tạm tính đến ngày 21/01/2021 là 60.740.000 đồng (với lãi suất 1%/tháng) và tính lãi phát sinh do chậm thanh toán, lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Doanh nghiệp tư nhân V N trình bày, tính đến ngày 21/01/2021, ông Lê Văn K còn nợ tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi 160.471.000 đồng. Nay Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị K liên đới trả tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi số tiền 160.471.000 đồng ; tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng và tính lãi lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

- Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị K: Không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của Doanh nghiệp tư nhân V N;

Buộc ông Lê Văn K, sinh năm 1982 - Chủ hộ kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K K" và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/02/2022 là 160.471.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng (chín trăm lẻ tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu T hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2022, ông Lê Văn K là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông K trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, thời gian trả nợ sau khi khấu trừ hoa hồng khi ông K thu được nợ của nông dân và không tính lãi.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày như sau:

Bảng đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 22/4/2020 không có chử ký của ông; do Doanh nghiệp tư nhân V N nửa chừng chấm dứt hợp đồng không giao phân tiếp tục nên ông không có phân giao cho nông dân, ông không thu tiền được nên không có tiền để thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân V N; do Doanh nghiệp tư nhân V N vi phạm hợp đồng nên không đồng ý trả lãi chậm trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N; đối với tiền hoa hồng ông yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân V N khấu trừ khoảng trên 300.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V là chị Đỗ Thị Mai T không đồng ý tất cả các yêu cầu kháng cáo của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

Chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án

Vào ngày 01/9/2019, Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp K K có ký hợp đồng mua bán số 0238-NT/HĐMB/2019-2020 về việc mua bán phân bón.

Theo biên bản đối chiếu công nợ cụ thể như vào ngày 11/11/2019, ngày 11/12/2019 và ngày 22/4/2020 (có chữ ký của bà K) cho thấy số tiền còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V N là 1.068.435.000 đồng, trong đó gốc là 1.064.825.000 đồng, lãi 3.610.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn K chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K phải trả tiền gốc mua phân là 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi 160.471.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

Trong hợp đồng mua bán không thỏa thuận về lãi suất chậm trả, tuy nhiên, tại các biên bản đối chiếu công nợ có quy định thời gian thanh toán 120 ngày kể từ ngày giao hàng và nếu sau thời gian quy định mà bên mua không thanh toán thì phải trả thêm lãi suất chậm trả 1%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Đại lý vật tư nông nghiệp K K trả lãi 1%/tháng là phù hợp Điều 306 của Luật thương mại, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K trình bày do Công ty nửa chừng chấm dứt hợp đồng nên anh không thu tiền nợ vật tư của nông dân đã gây Tệt hại cho ông nên không đồng ý trả tiền lãi. Tuy nhiên, tại hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/9/2019 giữa DNTN V N với Đại lý vật tư nông nghiệp K K có quy định bên A (doanh nghiệp tư nhân V N) có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B (Đại lý vật tư nông nghiệp K K) không thực hiện thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quá hạn thanh toán. Phía DNTN V N cho rằng Đại lý vật tư nông nghiệp K K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đơn hàng ngày 09/4/2020 (số tiền 56.000.000 đồng đến ngày 09/11/2020 ông K mới thanh toán 6.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán) nên DNTN V N mới chấm dứt hợp đồng với Đại lý vật tư nông nghiệp K K. Cho thấy, Đại lý vật tư nông nghiệp K K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên DNTN V N chấm dứt hợp đồng mua bán với Đại lý vật tư nông nghiệp K K là có căn cứ.

Ngoài ra, ông K còn cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng thì phía DNTN V N có hứa chi tiền hoa hồng nhưng không thực hiện, nên yêu cầu DNTN V N chi tiền hoa hồng. Phía DNTN V N thừa nhận năm 2019, 2020 doanh nghiệp có chính sách hoa hồng cho các đại lý đạt doanh số và thanh toán tiền đầy đủ. Hiện tại Đại lý vật tư nông nghiệp K K còn nợ doanh nghiệp nên chưa chi. Xét thấy, do cấp sơ thẩm ông K vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không thể xem xét, nếu phát sinh tranh chấp ông K có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Ông K kháng cáo nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử: giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn K là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định được xem là hợp lệ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2] Ông Lê Văn K yêu cầu trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, thời gian trả nợ sau khi khấu trừ tiền hoa hồng và khi ông K thu được nợ của nông dân và không đồng ý trả tiền lãi.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 01/9/2019, ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N và ông Lê Văn K là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K ký hợp đồng mua bán số 0238-NT/HĐMB/2019-2020 về việc mua phân bón. Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp K K có đối chiếu công nợ vào các ngày 11/11/2019, ngày 11/12/2019 và ngày 22/4/2020; Đại lý vật tư nông nghiệp K K có bà Nguyễn Thị Kiều là Vợ của ông Lê Văn K là đại diện để đối chiếu công nợ là có thật. Tính đến ngày 21/01/2021, ông Lê Văn K – chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K còn nợ tiền gốc 748.035.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 160.471.000 đồng. Hợp đồng mua bán không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả; tuy nhiên, tại các biên bản đối chiếu công nợ có quy định thời gian thanh toán 120 ngày kể từ ngày giao hàng đối với phân bón sản xuất tại Doanh nghiệp tư nhân V N và trong thời gian thanh toán 07 ngày đối với phân nhập khẩu; nếu sau thời gian quy định mà bên mua không thanh toán thì phải trả lãi chậm trả với lãi suất 1%/tháng. Do đó, ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị K trả tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022 theo từng hóa đơn bán hàng, tổng số tiền 160.471.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Đối với tiền hoa hồng (chiết khấu): Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 0238-HĐMB/2019-2020 không có điều khoản nào thỏa thuận tiền chiết khấu giữa Doanh nghiệp tư nhân V N với Đại lý vật tư nông nghiệp K K. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Mai T trình bày giai đoạn năm 2019-2020 doanh nghiệp có chính sách chiết khấu nhưng khi nào ông K và bà Kiều trả đủ tiền thì doanh nghiệp mới chi tiền chiết khấu cho ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm

ông K không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể xem xét, nếu hai bên có xãy ra tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn K là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K.

[3]. Hội đồng xét xử, xét bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử: Buộc ông Lê Văn K - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, tiền lãi là 160.471.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[4] Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn K; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của ông Lê Văn K không được chấp nhận nên ông Lê Văn K phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn K.

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N;

Buộc ông Lê Văn K - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp K K và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, tiền lãi là 160.471.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng (chín trăm lẻ tám triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án, nếu người phải T hành án T hành chưa xong thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định Điều 357; tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi T hành xong.

4 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm liên đới chịu án phí số tiền 39.255.000 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và ông Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V N (do Lạc Hồng Dinh nộp thay) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.932.000 đồng theo biên lai thu số 0007439, ngày 09/12/2020 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Ông Lê Văn K phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng ông được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005667 ngày 09/4/2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Ông K còn phải nộp tiếp 2.700.000 đồng.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được T hành án, người phải T hành án có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu T hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng KT- NV TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TKT (Trang).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước